TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EAH'LEO
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 38/2019/HNGĐ - ST
Ngày: 23/8/2019.
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EAH'LEO

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:*Bà Nguyễn Thị Bích Thủy
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông: Y Manh A Drơng
2. Ông: Võ Ánh Sửu

- Thư ký phiên toà: Ông Phan Việt Tiệp - Thư ký Tòa án nhân dân huyện EaH'leo.

***- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện E tham gia phiên tòa*:** không tham gia phiên tòa.

Ngày 23 tháng 8 năm 2019, tại Phòng xử án - Tòa án nhân dân huyện EaH'Leo xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 123/2019/TLST-HNGĐ, ngày 10 tháng 4 năm 2019 về việc "Kiện ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2019/QĐXX- ST, ngày 12 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2019/QĐST-DS, ngày 29 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị S, sinh năm 1983; Địa chỉ cư trú: Thôn A, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

Bị đơn: Anh Lê Minh T, sinh năm 1978; Địa chỉ cư trú: Thôn 6, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt lần thứ hai nhưng không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị S trình bày:*

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị S và anh Lê Minh T tự nguyện kết hôn và về chung sống với nhau từ năm 2013, có đăng ký kết hôn số 27, ngày 11 tháng 03 năm 2013 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

Thời gian chung sống hạnh phúc với nhau được khoảng 1 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T chơi bời với bạn bè về đánh đập vợ con. Chị S có khuyên nhủ nhiều lần nhưng anh T không thay đổi. Đến nay, chị S cảm thấy không thể tiếp tục chung sống với anh T nên chị S yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị Sinh được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Chị S và anh T có 02 con chung là Lê Thị Mỹ Tr1 - sinh ngày 22 tháng 10 năm 2013 và Lê Thị Mỹ Tr2 - sinh ngày 05 tháng 4 năm 2016.

Nếu Tòa án giải quyết ly hôn, chị S yêu cầu được hai nuôi con chung. Chị Sinh không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

** Trong quá trình tham gia tố tụng bị đơn anh Lê Minh T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Minh T và chị Nguyễn Thị S tự nguyện kết hôn và về chung sống với nhau từ năm 2013 như chị Sinh trình bày ở trên.

Thời gian về chung sống với nhau giữa anh T và chị S đã nảy sinh một số mâu thuẫn trong cuộc sống. Nguyên nhân chủ yếu là do vấn đề làm sổ đỏ nhà. Theo anh T, gia đình không có mâu thuẫn gì lớn. Đến nay chị S yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn anh T không đồng ý.

- Về con chung: anh T và chị S 02 con chung như chị S trình bày. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn, anh T không có ý kiến gì về việc nuôi dưỡng con chung. Con ở với ba hoặc mẹ thì tùy các con.

- Về tài sản chung và các khoản nợ: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị S vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình.

Theo nội dung xác minh tại chính quyền địa phương: Chị S và anh T trong quá trình sống chung đã có một số mâu thuẫn, chính quyền địa phương đã nhiều lần đến nhà để hòa giải giữa các bên. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T thường xuyên đánh đập chị Sinh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng:* Đây là vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, việc Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Lê Minh T có đến Tòa án làm bản tự khai và tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên, khi Tòa án tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa theo đúng thủ tục thì anh T không tham gia phiên tòa. Do vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2].*Về hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị S và anh Lê Minh T chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi trên cơ sở tự nguyện. Nhận thấy, cuộc sống hôn nhân của chị S và anh T đã xảy ra những va chạm, mâu thuẫn lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét thấy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị S.

[3].*Về nuôi con chung:* Chị S có yêu cầu trực tiếp nuôi con. Anh T không có yêu cầu gì. Hiện tại, các con chung còn nhỏ chưa đến tuổi yêu cầu ở với cha hoặc mẹ. Nên xét thấy, cần giao các con chung cho chị Sinh trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng.

Anh Lê Minh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung và trợ cấp phí tổn nuôi con chung.

[4]. *Về cấp dưỡng nuôi con:* Các bên không yêu cầu nên không đề cập xem xét giải quyết.

[5]. *Về tài sản chung:* Các bên không yêu cầu nên không đề cập xem xét giải quyết.

[7]. *Về án phí:* Cần buộc chị Sinh phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 227, khoản 2 Điều 244, Điều 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 54, 55, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;các điểm a, b khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị S

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị S được ly hôn với anh Lê Minh T;

2. Về con chung: Giao các con chung là cháu Lê Thị Mỹ Tr1 - sinh ngày 22 tháng 10 năm 2013 và Lê Thị Mỹ Tr2 - sinh ngày 05 tháng 4 năm 2016 cho chị Nguyễn Thị S được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi.

Anh Lê Minh T có quyền, nghĩa vụ đi lại, thăm nom và chăm sóc con chung không ai được cản trở

3. Về cấp dưỡng: Các bên tự thỏa thuận nên không đề cập xem xét, giải quyết.

Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung và trợ cấp phí tổn nuôi con chung.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Các bên không yêu cầu nên không đề cập xem xét giải quyết.

Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị S phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng

án phí chị Sinh đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện E theo biên lai số 0010875, ngày 03 tháng 04 năm 2019.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bàn án hoặc niêm yết hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự ;
- Viện KSND huyện E;
- Thi hành án huyện E;
- Toà án nhân dân tỉnh ĐăkLăk;
- UBND xã B, S, Quảng Ngãi;
- Lưu hồ sơ, vi tính.

Nguyễn Thị Bích Thủy